

ĐỀ THI HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 7

MÔN: TIẾNG ANH 8 GLOBAL SUCCESS

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. B	6. A	11. A	16. D	21. B	26. A	31. C	36. D
2. B	7. A	12. A	17. B	22. A	27. C	32. C	37. A
3. C	8. B	13. A	18. D	23. C	28. A	33. B	38. B
4. A	9. C	14. C	19. A	24. A	29. C	34. A	39. C
5. B	10. A	15. B	20. A	25. D	30. C	35. C	40. A

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Bài nghe 1**Jane:** Hello. Is this Phong?**Phong:** Hi Jane, it's me. How do you do?**Jane:** I'm fine, how about you?**Phong:** Actually, I'm very nervous. I'm having some pressure at school.**Jane:** Oh, what a pity to hear that. Please share it with me. I will help you if I can.**Phong:** I see myself as a failure. All of my classmates have achieved high results in their studies. I'm not as good as them.**Jane:** Don't worry, you should actively study with them in groups, maybe they will help you with your homework. Be more confident.**Phong:** I'm afraid because I don't study well.**Jane:** Oh no, you shouldn't hide your weakness.**Phong:** I also feel pressured because my friends are very active and confident. They are like the stars at school.**Jane:** I think you should join clubs at school to become more sociable. Try joining the basketball club. I bet you like it.**Phong:** Thanks for your advice.**Tạm dịch***Jane: Xin chào. Đây có phải là Phong không?**Phong: Chào Jane, là mình đây. Bạn khỏe không?**Jane: Mình khỏe, còn bạn thì sao?**Phong: Thực ra mình rất lo lắng. Mình đang gặp một số áp lực ở trường.**Jane:Ồ, thật đáng tiếc khi nghe điều đó. Hãy chia sẻ với mình nhé. Mình sẽ giúp bạn nếu mình có thể.**Phong: Mình thấy mình là một kẻ thất bại. Tất cả các bạn cùng lớp của mình đều đạt kết quả cao trong học tập. Mình không giỏi bằng họ.*

Jane: Đừng lo, bạn nên tích cực học nhóm với họ, có thể họ sẽ giúp bạn làm bài tập về nhà. Hãy tự tin hơn.

Phong: Mình sợ vì mình học không giỏi.

Jane: Ồ không, bạn không nên che giấu điểm yếu của mình.

Phong: Mình cũng thấy áp lực vì bạn bè mình rất năng động và tự tin. Họ giống như những ngôi sao ở trường vậy.

Jane: Mình nghĩ bạn nên tham gia các câu lạc bộ ở trường để trở nên hòa đồng hơn. Hãy thử tham gia câu lạc bộ bóng rổ xem. Mình cá là bạn thích nó.

Phong: Cảm ơn lời khuyên của bạn.

Phương pháp chung:

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Nghe đoạn hội thoại và chú ý những đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài nghe với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa để chọn đáp thích hợp nhất.

1. B

How does Phong feel now?

(Phong hiện tại cảm thấy thế nào?)

A. Indifferent.

(Thờ ơ.)

B. Nervous and pressured.

(Lo lắng và áp lực.)

C. Excited and confident.

(Háo hức và tự tin.)

Thông tin: Actually, I'm very nervous. I'm having some pressure at school.

(Thực ra, mình rất lo lắng. Mình đang gặp một số áp lực ở trường.)

Chọn B

2. B

What does Phong think about himself?

(Phong nghĩ gì về bản thân mình?)

A. He is smarter than his classmates.

(Cậu ấy thông minh hơn các bạn cùng lớp.)

B. He is a failure compared to his classmates.

(Cậu ấy là một kẻ thất bại so với các bạn cùng lớp.)

C. He is as good as his classmates.

(Cậu ấy giỏi ngang các bạn cùng lớp.)

Thông tin: I see myself as a failure. All of my classmates have achieved high results in their studies. I'm not as good as them.

(Minh thấy mình là một kẻ thất bại. Tất cả các bạn cùng lớp của mình đều đạt kết quả cao trong học tập. Minh thì không giỏi bằng họ.)

Chọn B

3. C

What does he think of his classmates' studies?

(Câu ấy nghĩ gì về việc học của các bạn cùng lớp?)

A. They are struggling like him.

(Họ cũng vật lộn như cậu ấy.)

B. They got lower grades than him.

(Họ có điểm thấp hơn cậu ấy.)

C. They have achieved good results.

(Họ đã đạt được kết quả tốt.)

Thông tin: All of my classmates have achieved high results in their studies.

(Tất cả các bạn cùng lớp của tôi đều đạt kết quả cao trong học tập.)

Chọn C

4. A

What club does Jane suggest Phong join?

(Jane gợi ý Phong tham gia câu lạc bộ nào?)

A. The basketball club.

(Câu lạc bộ bóng rổ.)

B. The volleyball club.

(Câu lạc bộ bóng chuyền.)

C. The football club.

(Câu lạc bộ bóng đá.)

Thông tin: Try joining the basketball club. I bet you like it.

(Hãy thử tham gia câu lạc bộ bóng rổ xem. Tôi cá là bạn thích.)

Chọn A

Bài nghe 2

Hi everyone. Today, I'll tell you about the Tet time of the Hmong people in Ha Giang Province. The Hmong celebrate the traditional Tet according to their lunar calendar. When the farmers have harvested their crops, the Hmong people start to prepare for Tet. They clean the house. They weave cloths to make beautiful and colourful clothes. On the final day of the year, Hmong families have a big year-end meal. Family members gather to wish each other a happy new year. The Tet time is a very exciting time for the Hmong people. They hold the Gau Tao Festival from the second to the fourth of January in the lunar calendar. The purpose of the Gau Tao Festival is to wish people a prosperous and lucky year. On this occasion, Hmong boys and girls can

also show their talents and find their partners. The celebration of Tet is a cultural beauty of the Hmong in Ha Giang Province. If you have a chance to visit Ha Giang in the new year, don't forget to attend their Tet Festival.

Tam dịch

Xin chào mọi người. Hôm nay, tôi sẽ kể cho các bạn nghe về Tết của người H'Mông ở tỉnh Hà Giang. Người H'Mông ăn Tết truyền thống theo lịch âm của họ. Khi những người nông dân đã thu hoạch mùa màng, người H'Mông bắt đầu chuẩn bị đón Tết. Họ dọn dẹp nhà cửa. Họ dệt vải để làm ra những bộ quần áo đẹp và đầy màu sắc. Vào ngày cuối cùng của năm, các gia đình người H'Mông có một bữa tiệc tất niên lớn. Các thành viên trong gia đình tụ họp để chúc nhau một năm mới hạnh phúc. Tết là thời gian rất thú vị đối với người H'Mông. Họ tổ chức Lễ hội Gầu Tào từ ngày mùng 2 đến ngày mùng 4 tháng 1 theo lịch âm. Mục đích của Lễ hội Gầu Tào là để chúc mọi người một năm thịnh vượng và may mắn. Vào dịp này, các chàng trai, cô gái người H'Mông cũng có thể thể hiện tài năng của mình và tìm được bạn đời của mình. Lễ hội Tết là một nét đẹp văn hóa của người H'Mông ở tỉnh Hà Giang. Nếu bạn có cơ hội đến thăm Hà Giang vào năm mới, đừng quên tham dự Lễ hội Tết của họ.

Phương pháp chung:

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Nghe đoạn hội thoại và chú ý những đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài nghe với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa để chọn đáp thích hợp nhất.

5. B

This talk is about the Hmong people in Lai Chau Province.

(Bài nói chuyện này nói về người H'Mông ở tỉnh Lai Châu.)

Thông tin: Today, I'll tell you about the Tet time of the Hmong people in Ha Giang Province.

(Hôm nay, tôi sẽ kể cho bạn nghe về thời gian đón Tết của người H'Mông ở tỉnh Hà Giang.)

Chọn B

6. A

The Hmong celebrate their Tet festival by lunar calendar.

(Người H'Mông ăn Tết theo âm lịch.)

Thông tin: The Hmong celebrate the traditional Tet according to their lunar calendar.

(Người H'Mông ăn Tết theo truyền thống theo âm lịch.)

Chọn A

7. A

The Hmong people make clothes for Tet by themselves.

(Người H'Mông tự may quần áo cho ngày Tết.)

Thông tin: They weave cloths to make beautiful and colourful clothes

(Họ dệt vải để làm ra những bộ quần áo đẹp và nhiều màu sắc)

Chọn A

8. B

The Gau Tao Festival is on the first day of January in the lunar calendar.

(Lễ hội Gầu Tào diễn ra vào ngày đầu tiên của tháng Giêng theo âm lịch.)

Thông tin: They hold the Gau Tao Festival from the second to the fourth of January in the lunar calendar.

(Họ tổ chức Lễ hội Gầu Tào từ ngày mừng 2 đến mừng 4 tháng Giêng theo âm lịch.)

Chọn B

9. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

You should _____ the football club, for you can improve your teamwork skills.

(Bạn nên _____ câu lạc bộ bóng đá, vì bạn có thể cải thiện kỹ năng làm việc nhóm của mình.)

Lời giải chi tiết:

A. provide (v): cung cấp

B. check (v): kiểm tra

C. join (v): tham gia

D. summit (n): đỉnh

Câu hoàn chỉnh: You should **join** the football club, for you can improve your teamwork skills.

(Bạn nên tham gia câu lạc bộ bóng đá để có thể cải thiện kỹ năng làm việc nhóm.)

Chọn C

10. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Gong is a common _____ instrument of people in Central Highlands of Viet Nam

(Cồng chiêng là _____ phổ biến của người dân Tây Nguyên Việt Nam)

Lời giải chi tiết:

A. musical (adj): về âm nhạc

B. drawing (adj): vẽ

C. scientific (adj): về khoa học

D. digital (adj): kỹ thuật số

Câu hoàn chỉnh: Gong is a common **musical** instrument of people in Central Highlands of Viet Nam

(Cồng chiêng là loại nhạc cụ phổ biến của người dân Tây Nguyên)

Chọn A

11. A

Phương pháp:

Dựa vào giới từ “to” và cách sử dụng của các đại từ để chọn đáp án đúng.

She took my smartphone by mistake because mine looks similar to _____.

(Cô ấy vô tình lấy mất điện thoại thông minh của tôi vì điện thoại của tôi trông giống _____.)

Lời giải chi tiết:

Sau giới từ “to” là đại từ có chức năng như danh từ để đóng vai trò tân ngữ.

A. hers: của cô ấy => làm tân ngữ hoặc chủ ngữ, theo sau không cần danh từ.

B. her: của cô ấy => làm tính từ sở hữu, đứng trước danh từ => loại

C. my: của tôi => làm tính từ sở hữu, đứng trước danh từ => loại

D. herself: chính cô ấy => làm đại từ phản thân nhấn mạnh đối tượng thực hiện hành động không làm tân ngữ => loại

Câu hoàn chỉnh: She took my smartphone by mistake because mine looks similar to **hers**.

(Cô ấy vô tình lấy mất điện thoại thông minh của tôi vì điện thoại của tôi trông giống điện thoại của cô ấy.)

Chọn A

12. A

Phương pháp:

Dựa vào cụm từ “one of” để chọn mạo từ đúng.

Making bánh chưng before Tết is one of _____ traditional identities of Vietnamese people.

(Làm bánh chưng trước Tết là một trong _____ những nét văn hóa truyền thống của người Việt Nam.)

Lời giải chi tiết:

Theo sau “one of” (một trong những) là danh từ đã xác định => dùng mạo từ “the”

Câu hoàn chỉnh: Making bánh chưng before Tết is one of **the** traditional identities of Vietnamese people.

(Làm bánh chưng trước Tết là một trong những nét văn hóa truyền thống của người Việt Nam.)

Chọn A

13. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Are you curious about (13) _____ things work or love doing fun experiments?

(Bạn có tò mò về (13) _____ những thứ hoạt động hay thích làm những thí nghiệm thú vị không?)

Lời giải chi tiết:

A. how: làm thế nào

B. what: cái gì

C. who: ai

D. why: tại sao

Câu hoàn chỉnh: Are you curious about **how** things work or love doing fun experiments?

(Bạn có tò mò về cách mọi thứ hoạt động hay thích làm những thí nghiệm thú vị không?)

Chọn A

14. C

Phương pháp:

Dựa vào danh từ “science club”, nghĩa và cách dùng các từ loại để chọn đáp án đúng.

Sao Mai Secondary School is starting (14) _____ new science clubs just for you!

(Trường THCS Sao Mai đang mở (14) _____ câu lạc bộ khoa học mới dành riêng cho bạn!)

Lời giải chi tiết:

A. excite (v): gây hào hứng

B. excitement (n): sự hào hứng

C. exciting (adj): thú vị

D. excited (adj): hứng thú

Trước danh từ “science club” (câu lạc bộ khoa học) cần một tính từ.

Câu hoàn chỉnh: Sao Mai Secondary School is starting **exciting** new science clubs just for you!

(Trường THCS Sao Mai đang mở các câu lạc bộ khoa học mới thú vị dành riêng cho bạn!)

Chọn C

15. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

In these clubs, you can learn more about nature, space, technology, and how to (15) _____ real problems in the world.

(Trong các câu lạc bộ này, bạn có thể tìm hiểu thêm về thiên nhiên, không gian, công nghệ và cách (15) _____ các vấn đề thực tế trên thế giới.)

Lời giải chi tiết:

A. cause (v): gây ra

B. solve (v): giải quyết

C. create (v): tạo ra

D. stop (v): dừng

Câu hoàn chỉnh: In these clubs, you can learn more about nature, space, technology, and how to **solve** real problems in the world.

(Trong các câu lạc bộ này, bạn có thể tìm hiểu thêm về thiên nhiên, không gian, công nghệ và cách giải quyết các vấn đề thực tế trên thế giới.)

Chọn B

16. D

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dựa vào dịch nghĩa của câu để thấy cần một động từ ở dạng chỉ mục đích.

It's a great way (16) _____ new friends and learn new things.

(Đó là một cách tuyệt vời (16) _____ bạn bè mới và học hỏi những điều mới.)

Lời giải chi tiết:

Động từ chỉ mục đích có dạng TO V (nguyên thể).

Câu hoàn chỉnh: It's a great way **to make** new friends and learn new things.

(Đây là cách tuyệt vời để kết bạn mới và học hỏi những điều mới.)

Chọn D

Bài hoàn chỉnh

  Join the New Science Club at Sao Mai Secondary School!  

Are you curious about (13) **how** things work or love doing fun experiments?  

Sao Mai Secondary School is starting (14) **exciting** new science clubs just for you! 

In these clubs, you can learn more about nature, space, technology, and how to (15) **solve** real problems in the world.    

You will work in teams, do cool projects, and even take part in science shows.   

It's a great way (16) **to make** new friends and learn new things.  

Don't wait - sign up now and become a young scientist today!  

Tam dịch

  Tham gia Câu lạc bộ Khoa học mới tại Trường THCS Sao Mai!  

Bạn có tò mò về (13) cách mọi thứ hoạt động hay thích làm những thí nghiệm thú vị không?  

Trường THCS Sao Mai đang mở câu lạc bộ khoa học mới (14) thú vị dành riêng cho bạn! 

Trong các câu lạc bộ này, bạn có thể tìm hiểu thêm về thiên nhiên, không gian, công nghệ và cách (15) giải quyết các vấn đề thực tế trên thế giới.    

Bạn sẽ làm việc theo nhóm, thực hiện các dự án thú vị và thậm chí tham gia các chương trình khoa học. 



Đây là một cách tuyệt vời (16) để kết bạn mới và học hỏi những điều mới.  

Đừng chần chừ - hãy đăng ký ngay và trở thành một nhà khoa học trẻ ngay hôm nay!  

17. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

It (17) _____ a phone charger, a light for reading at night, and a special pocket to keep your lunch fresh.

(Nó (17) _____ một bộ sạc điện thoại, một đèn để đọc sách vào ban đêm và một túi đặc biệt để giữ cho bữa trưa của bạn luôn tươi ngon.)

Lời giải chi tiết:

A. is having: đang có (thì hiện tại tiếp diễn)

B. has: có (thì hiện tại đơn)

C. had: đã có (thì quá khứ đơn)

D. can have: có thể có

Câu đang đưa ra sự thật hiển nhiên nên động từ “have” cần chia thì hiện tại đơn => động từ has

Câu hoàn chỉnh: It **has** a phone charger, a light for reading at night, and a special pocket to keep your lunch fresh.

(Nó có bộ sạc điện thoại, đèn đọc sách ban đêm và một túi đặc biệt để giữ cho bữa trưa của bạn luôn tươi ngon.)

Chọn B

18. D

Phương pháp:

Dựa vào động từ “connect” để chọn giới từ đúng.

You can also connect it (18) _____ an app on your phone to remember what to pack and check your timetable.

(Bạn cũng có thể kết nối nó (18) _____ một ứng dụng trên điện thoại của bạn để ghi nhớ những gì cần đóng gói và kiểm tra thời gian biểu của bạn.)

Lời giải chi tiết:

A. with: với

B. from: từ

C. at: ở

D. to: tới

Cụm từ đúng “connect + TO”: kết nối với (về mặt kỹ thuật)

Câu hoàn chỉnh: You can also connect it **to** an app on your phone to remember what to pack and check your timetable.

(Bạn cũng có thể kết nối nó với ứng dụng trên điện thoại để ghi nhớ những gì cần đóng gói và kiểm tra thời gian biểu của mình.)

Chọn D

19. A

Phương pháp:

Dựa vào động từ “stay” để chọn từ loại đúng.

Stay (19) _____, feel cool, and enjoy school more with your smart school bag!

(Hãy luôn (19) _____, cảm thấy mát mẻ và tận hưởng trường học nhiều hơn với chiếc cặp sách thông minh của bạn!)

Lời giải chi tiết:

Theo sau động từ “stay” (giữ) cần một tính từ.

A. organized (adj): ngăn nắp, có tổ chức

B. organize (v): tổ chức

C. organizing (V-ing): việc tổ chức

D. organization (n): tổ chức

Câu hoàn chỉnh: Stay **organized**, feel cool, and enjoy school more with your smart school bag!

(Luôn ngăn nắp, thoải mái và tận hưởng việc đến trường nhiều hơn với cặp sách thông minh của bạn!)

Chọn A

20. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Try it now - the future of school is on your (20) _____!

(Hãy thử ngay bây giờ - tương lai của trường học nằm (20) _____ bạn!)

Lời giải chi tiết:

A. back (n): lưng

B. head (n): đầu

C. nose (n): mũi

D. mouth (n): miệng

Câu hoàn chỉnh: Try it now - the future of school is on your **back**!

(Hãy thử ngay bây giờ - tương lai của trường học nằm trên lưng bạn!)

Chọn A

Bài hoàn chỉnh

  Check Out the New Smart School Bag – Made Just for Students!  

Are you always forgetting your books or losing your things?

The Smart School Bag is here to help you every day at school!

It (17) **has** a phone charger, a light for reading at night, and a special pocket to keep your lunch fresh.

You can also connect it (18) **to** an app on your phone to remember what to pack and check your timetable.

Stay (19) **organized**, feel cool, and enjoy school more with your smart school bag!

Try it now - the future of school is on your (20) **back**!

Tạm dịch

  Hãy xem chiếc cặp sách thông minh mới – Dành riêng cho học sinh!  

Bạn có thường xuyên quên sách vở hoặc làm mất đồ không?

Chiếc cặp sách thông minh sẽ giúp bạn mỗi ngày ở trường!

Nó (17) có bộ sạc điện thoại, đèn đọc sách vào ban đêm và một túi đặc biệt để giữ cho bữa trưa của bạn luôn tươi ngon.

Bạn cũng có thể kết nối (18) với một ứng dụng trên điện thoại để ghi nhớ những gì cần đóng gói và kiểm tra thời gian biểu của mình.

Luôn (19) ngăn nắp, cảm thấy thoải mái và tận hưởng trường học nhiều hơn với chiếc cặp sách thông minh của bạn!

Hãy thử ngay bây giờ - tương lai của trường học nằm trên (20) lưng bạn!

21. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

The Hoa ethnic group live (21) _____ in Ho Chi Minh City, Dong Nai and Soc Trang.

(Dân tộc Hoa sống (21) _____ ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Sóc Trăng.)

Lời giải chi tiết:

- A. rarely (adv): hiếm khi
- B. mainly (adv): chủ yếu
- C. nearly (adv): khoảng
- D. fairly (adv): khá

Câu hoàn chỉnh: The Hoa ethnic group live **mainly** in Ho Chi Minh City, Dong Nai and Soc Trang.

(Dân tộc Hoa sinh sống chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Sóc Trăng.)

Chọn B

22. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

They like playing a wide range of (22) _____.

(Họ thích chơi nhiều loại (22) _____.)

Lời giải chi tiết:

- A. instruments (n): nhạc cụ
- B. sports (n): thể thao
- C. dances (n): điệu nhảy
- D. tools (n): công cụ

Câu hoàn chỉnh: They like playing a wide range of **instruments**.

(Họ thích chơi nhiều loại nhạc cụ.)

Chọn A

23. C

Phương pháp:

Dựa vào danh từ số nhiều “instruments” và cách sử dụng của các đại từ để chọn đáp án đúng.

Many younger Hoa people enjoy (23) _____ kinds of instruments and musical groups.

(Nhiều người Hoa trẻ tuổi thích (23) _____ các loại nhạc cụ và nhóm nhạc.)

Lời giải chi tiết:

Trước danh từ “instruments” cần đại từ chỉ định đóng vai trò như tính từ để bổ nghĩa cho nó.

- A. them: họ => đóng vai trò tân ngữ, không bổ nghĩa được cho danh từ sau nó => loại
- B. this + danh từ số ít/ danh từ không đếm được: này => loại
- C. these + danh từ số nhiều: những cái này
- D. that + danh từ số ít/ danh từ không đếm được: cái kia => loại

Câu hoàn chỉnh: Many younger Hoa people enjoy **these** kinds of instruments and musical groups.

(Nhiều người Hoa trẻ tuổi thích những loại nhạc cụ và nhóm nhạc này.)

Chọn C

24. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

They also worship guardian gods, (24) _____ the Kitchen God, the Land God, and the God of Wealth, and Buddha.

(Họ cũng thờ các vị thần hộ mệnh, (24) _____ Thần Bếp, Thần Đất, Thần Tài và Phật.)

Lời giải chi tiết:

- A. such as: như là
- B. as if: như thể là
- C. despite: mặc dù
- D. due to: bởi vì

Câu hoàn chỉnh: They also worship guardian gods, **such as** the Kitchen God, the Land God, and the God of Wealth, and Buddha.

(Họ cũng thờ các vị thần hộ mệnh như thần Bếp, thần Đất, thần Tài và Phật.)

Chọn A

25. D

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

They often (25) _____ pagodas and temples.

(Họ thường (25) _____ chùa chiền và đền thờ.)

Lời giải chi tiết:

- A. have to: phải
- B. belong to: thuộc về
- C. commit to: cam kết
- D. go to: đi đến

Câu hoàn chỉnh: They often **go to** pagodas and temples.

(Họ thường đi chùa và đền.)

Chọn D

26. A

Phương pháp:

Dựa vào danh từ “activities”, nghĩa và các từ loại của các lựa chọn để chọn đáp án đúng.

These are also the place for a social headquarters or a school, and the place to hold (26) _____ activities and festivals of the Hoa people.

(Đây cũng là nơi đặt trụ sở xã hội hoặc trường học, và là nơi tổ chức (26) _____ các hoạt động và lễ hội của người Hoa.)

Lời giải chi tiết:

Trước danh từ “activities” (hoạt động) cần dùng tính từ.

- A. communal (n): mang tính cộng đồng
- B. commune (n): xã
- C. commuting (v-ing): việc đi lại
- D. community (n): cộng đồng

Câu hoàn chỉnh: These are also the place for a social headquarters or a school, and the place to hold **communal** activities and festivals of the Hoa people.

(Đây cũng là nơi đặt trụ sở xã hội hoặc trường học, và là nơi tổ chức hoạt động cộng đồng và lễ hội của người Hoa.)

Chọn A

Bài hoàn chỉnh

The Hoa ethnic group live (21) **mainly** in Ho Chi Minh City, Dong Nai and Soc Trang. There are about more than 800,000 Hoa people in Viet Nam. When coming to Viet Nam, the Hoa bring with them their cultural features.

The Hoa people have many traditional cultural activities, such as singing, dancing, and comedy. They like playing a wide range of (22) **instruments**. Some of them are flutes, zithers, and two-string Chinese violins. They have a popular form of amateur cultural group called "nhac xa". Many younger Hoa people enjoy (23) **these** kinds of instruments and musical groups.

The Hoa worship their ancestors and family spirits. They also worship guardian gods, (24) **such as** the Kitchen God, the Land God, and the God of Wealth, and Buddha. They often (25) **go to** pagodas and temples. These are also the place for a social headquarters or a school, and the place to hold (26) **communal** activities and festivals of the Hoa people.

Tam dịch

Dân tộc Hoa sinh sống (21) chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Sóc Trăng. Có khoảng hơn 800.000 người Hoa ở Việt Nam. Khi đến Việt Nam, người Hoa mang theo những nét văn hóa đặc trưng của họ.

Người Hoa có nhiều hoạt động văn hóa truyền thống, chẳng hạn như ca hát, nhảy múa và hài kịch. Họ thích chơi nhiều loại (22) nhạc cụ. Một số trong số đó là sáo, đàn tranh và vĩ cầm Trung Quốc hai dây. Họ có một hình thức nhóm văn hóa nghiệp dư phổ biến gọi là "nhạc xá". Nhiều người Hoa trẻ tuổi thích (23) các loại nhạc cụ và nhóm nhạc này.

Người Hoa thờ cúng tổ tiên và linh hồn gia đình. Họ cũng thờ các vị thần hộ mệnh, (24) như Thần bếp, Thần đất, Thần tài và Phật. Họ thường (25) đến chùa và đền. Đây cũng là nơi đặt trụ sở xã hội hoặc trường học và là nơi tổ chức các hoạt động (26) cộng đồng và lễ hội của người Hoa.

Bài đọc hiểu:

Clubs are an important part of the school. They help connect the whole students with each other and express their interests. Clubs can be divided into two main categories, academic clubs and hobby clubs.

Academic clubs are related to school subjects, such as maths, English and science. Most coaches are teachers in charge of that subject. Club activities may include **additional** classes and extracurricular activities suitable to each subject. For example, an English club will have a language festival, where members will sing, do a role-play or debate in English.

Hobby clubs are organised around a teen's personal interests, such as sports, arts, or talents. Students can freely choose according to their interests and abilities. They can learn new knowledge and practice necessary skills. Also, they can express their personal identity well and show off their creativity.

The club is not only a place to meet the interests and needs of teenagers, but it is also a place to relieve stress in studying and share difficulties. Therefore, parents should support and encourage **their** children to join school clubs with extra-curricular activities for teens' full development.

Tam dịch

Câu lạc bộ là một phần quan trọng của trường. Chúng giúp kết nối toàn thể học sinh với nhau và thể hiện sở thích của mình. Câu lạc bộ có thể được chia thành hai loại chính, câu lạc bộ học thuật và câu lạc bộ sở thích. Câu lạc bộ học thuật liên quan đến các môn học ở trường, chẳng hạn như toán, tiếng Anh và khoa học. Hầu hết các người huấn luyện là giáo viên phụ trách môn học đó. Các hoạt động của câu lạc bộ có thể bao gồm các lớp học bổ sung và các hoạt động ngoại khóa phù hợp với từng môn học. Ví dụ, một câu lạc bộ tiếng Anh sẽ có lễ hội ngôn ngữ, nơi các thành viên sẽ hát, đóng vai hoặc tranh luận bằng tiếng Anh.

Câu lạc bộ sở thích được tổ chức xung quanh sở thích cá nhân của thanh thiếu niên, chẳng hạn như thể thao, nghệ thuật hoặc tài năng. Học sinh có thể tự do lựa chọn theo sở thích và khả năng của mình. Các em có thể học hỏi kiến thức mới và rèn luyện các kỹ năng cần thiết. Ngoài ra, các em có thể thể hiện tốt bản sắc cá nhân và thể hiện sự sáng tạo của mình.

Câu lạc bộ không chỉ là nơi đáp ứng sở thích và nhu cầu của thanh thiếu niên mà còn là nơi giải tỏa căng thẳng trong học tập và chia sẻ những khó khăn. Vì vậy, cha mẹ nên hỗ trợ và khuyến khích con em mình tham gia các câu lạc bộ của trường có hoạt động ngoại khóa để thanh thiếu niên phát triển toàn diện.

Phương pháp chung:

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Đọc lướt qua các đoạn văn và dừng lại ở đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài đọc với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa và ngữ pháp để chọn đáp án thích hợp nhất.

27. C

What is the main idea of the passage?

(Ý chính của đoạn văn là gì?)

A. Students should focus more on studying than joining clubs.

(Học sinh nên tập trung vào việc học hơn là tham gia câu lạc bộ.)

B. Clubs in schools are fun but not very useful.

(Các câu lạc bộ ở trường rất vui nhưng không hữu ích lắm.)

C. School clubs help students grow by supporting both academic and personal interests.

(Các câu lạc bộ ở trường giúp học sinh phát triển bằng cách hỗ trợ cả sở thích học tập và cá nhân.)

D. Clubs are only for students who like sports or arts.

(Các câu lạc bộ chỉ dành cho những học sinh thích thể thao hoặc nghệ thuật.)

Chọn C

28. A

What can help connect students with each other?

(Điều gì có thể giúp kết nối học sinh với nhau?)

A. Clubs.

(Câu lạc bộ.)

B. Subjects.

(Môn học.)

C. Class forums.

(Diễn đàn lớp học.)

D. Lessons.

(Bài học.)

Thông tin: Clubs are an important part of the school. They help connect the whole students with each other and express their interests.

(Câu lạc bộ là một phần quan trọng của trường học. Chúng giúp kết nối toàn thể học sinh với nhau và thể hiện sở thích của mình.)

Chọn A

29. C

From the passage, it can be inferred that _____.

(Từ đoạn văn, có thể suy ra rằng _____.)

A. all school clubs are only for studying difficult subjects => sai

(tất cả các câu lạc bộ trường học chỉ dành cho việc học các môn khó)

Thông tin: Clubs can be divided into two main categories, academic clubs and hobby clubs.

(Các câu lạc bộ có thể được chia thành hai loại chính, câu lạc bộ học thuật và câu lạc bộ sở thích.)

B. students are forced to join clubs even if they don't want to => sai

(học sinh bị ép buộc tham gia câu lạc bộ ngay cả khi họ không muốn)

Thông tin: Students can freely choose according to their interests and abilities.

(Học sinh có thể tự do lựa chọn theo sở thích và khả năng của mình.)

C. clubs can help students become more creative and confident => đúng

(các câu lạc bộ có thể giúp học sinh trở nên sáng tạo và tự tin hơn)

Thông tin: They can express their personal identity well and show off their creativity.

(Họ có thể thể hiện bản sắc cá nhân của mình tốt và thể hiện sự sáng tạo của mình.)

D. teachers do not support club activities at school => sai

(giáo viên không hỗ trợ các hoạt động câu lạc bộ tại trường)

Thông tin: Most coaches are teachers in charge of that subject.

(Hầu hết các người huấn luyện là giáo viên phụ trách môn học đó.)

Chọn C

30. C

According to the passage, which of the following statements is NOT TRUE?

(Theo đoạn văn, câu nào sau đây KHÔNG ĐÚNG?)

A. Academic clubs are related to school subjects and usually run by teachers. => đúng

(Câu lạc bộ học thuật liên quan đến các môn học ở trường và thường do giáo viên điều hành.)

Thông tin: Academic clubs are related to school subjects, such as maths, English and science. Most coaches are teachers in charge of that subject.

(Câu lạc bộ học thuật liên quan đến các môn học ở trường, chẳng hạn như toán, tiếng Anh và khoa học. Hầu hết các người huấn luyện là giáo viên phụ trách môn học đó.)

B. Hobby clubs allow students to explore their interests and develop new skills. => đúng

(Câu lạc bộ sở thích cho phép học sinh khám phá sở thích của mình và phát triển các kỹ năng mới.)

Thông tin: Students can freely choose according to their interests and abilities. They can learn new knowledge and practice necessary skills.

(Học sinh có thể tự do lựa chọn theo sở thích và khả năng của mình. Các em có thể học kiến thức mới và rèn luyện các kỹ năng cần thiết.)

C. School clubs are only for students who are good at studying. => sai

(Câu lạc bộ trường học chỉ dành cho những học sinh học giỏi.)

Thông tin: Students can freely choose according to their interests and abilities.

(Học sinh có thể tự do lựa chọn theo sở thích và khả năng của mình.)

D. Clubs can help students relieve stress and share their problems. => đúng

(Câu lạc bộ có thể giúp học sinh giải tỏa căng thẳng và chia sẻ các vấn đề của mình.)

Thông tin: The club is not only a place to meet the interests and needs of teenagers, but it is also a place to relieve stress in studying and share difficulties.

(Câu lạc bộ không chỉ là nơi đáp ứng sở thích và nhu cầu của thanh thiếu niên mà còn là nơi giải tỏa căng thẳng trong học tập và chia sẻ những khó khăn.)

Chọn C

31. C

What does the word “**their**” in the passage refer to?

(Từ “their” trong đoạn văn ám chỉ điều gì?)

A. students

(học sinh)

B. clubs

(câu lạc bộ)

C. parents

(phụ huynh)

D. activities

(hoạt động)

Thông tin: Therefore, parents should support and encourage **their** children to join school clubs with extra-curricular activities for teens' full development.

(Vì vậy, cha mẹ nên hỗ trợ và khuyến khích con em họ tham gia các câu lạc bộ tại trường có hoạt động ngoại khóa để trẻ phát triển toàn diện.)

Chọn C

32. C

The word “**additional**” in the passage is OPPOSITE in meaning to _____.

(Từ “additional” trong đoạn văn trái nghĩa với _____.)

A. extra

(thêm)

B. further

(thêm nữa)

C. limited

(hạn chế)

D. more

(nhiều hơn)

Thông tin: Club activities may include **additional** classes and extracurricular activities suitable to each subject.

(Hoạt động câu lạc bộ có thể bao gồm các lớp học thêm và các hoạt động ngoại khóa phù hợp với từng môn học.)

Chọn C

33. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-c để hiểu được nghĩa của từng câu.

- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-c để tạo thành một đoạn hội thoại hợp lý và có nghĩa.

***Nghĩa của các câu**

a. Nam: Well, I'm searching for information about some social media platforms. Do you have any suggestions?

(À, tôi đang tìm kiếm thông tin về một số nền tảng truyền thông xã hội. Bạn có gợi ý nào không?)

b. Lucy: I think Facebook is the most popular for students. My class has a forum on it.

(Tôi nghĩ Facebook là nền tảng phổ biến nhất đối với học sinh. Lớp tôi có một diễn đàn trên đó.)

c. Lucy: Hi, Nam. What are you doing?

(Chào Nam. Bạn đang làm gì vậy?)

Bài hoàn chỉnh

(c) Lucy: Hi, Nam. What are you doing?

(a) Nam: Well, I'm searching for information about some social media platforms. Do you have any suggestions?

(b) Lucy: I think Facebook is the most popular for students. My class has a forum on it.

Tam dịch

(c) Lucy: Chào Nam. Bạn đang làm gì vậy?

(a) Nam: À, tôi đang tìm kiếm thông tin về một số nền tảng truyền thông xã hội. Bạn có

gợi ý nào không?

(b) Lucy: Tôi nghĩ Facebook là nền tảng phổ biến nhất đối với học sinh. Lớp tôi có một diễn đàn trên đó.

Chọn B

34. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-d để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-d để tạo thành một đoạn hội thoại hợp lý và có nghĩa.

***Nghĩa của các câu**

a. Tom: I'm doing puzzles. Do you want to join me, Nam?

(Tôi đang giải đố. Bạn có muốn tham gia cùng tôi không, Nam?)

b. Nam: Hi, Tom! What are you doing?

(Chào Tom! Bạn đang làm gì vậy?)

c. Tom: Wow! I'm crazy about puzzles. They're great!

(Wow! Tôi phát cuồng vì giải đố. Chúng tuyệt lắm!)

d. Nam: No, thanks. I don't like doing puzzles.

(Không, cảm ơn. Tôi không thích giải đố.)

Bài hoàn chỉnh

(b) Nam: Hi, Tom! What are you doing?

(a) Tom: I'm doing puzzles. Do you want to join me, Nam?

(d) Nam: No, thanks. I don't like doing puzzles.

(c) Tom: Wow! I'm crazy about puzzles. They're great!

Tam dịch

(b) Nam: Chào Tom! Bạn đang làm gì thế?

(a) Tom: Tôi đang giải đố. Bạn có muốn tham gia cùng tôi không, Nam?

(d) Nam: Không, cảm ơn. Tôi không thích giải đố.

(c) Tom: Chà! Tôi phát điên vì giải đố. Chúng tuyệt lắm!

Chọn A

35. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-d để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-d để tạo thành một đoạn hội thoại hợp lý và có nghĩa.

***Nghĩa của các câu**

a. Eric: I'm curious. Can you tell me more about the Dao?

(Tôi tò mò. Bạn có thể cho tôi biết thêm về người Dao không?)

b. Mai: Of course. This is a photo of the Dao people in Sa Pa.

(Tất nhiên rồi. Đây là ảnh người Dao ở Sa Pa.)

c. Mai: A description of the Dao ethnic group. Their life and culture are interesting.

(Mô tả về dân tộc Dao. Cuộc sống và văn hóa của họ rất thú vị.)

d. Eric: What are you reading, Mai?

(Bạn đang đọc gì vậy, Mai?)

Bài hoàn chỉnh

(d) Eric: What are you reading, Mai?

(c) Mai: A description of the Dao ethnic group. Their life and culture are interesting.

(a) Eric: I'm curious. Can you tell me more about the Dao?

(b) Mai: Of course. This is a photo of the Dao people in Sa Pa.

Tam dịch

(d) Eric: Mai, bạn đang đọc gì thế?

(c) Mai: Một mô tả về dân tộc Dao. Cuộc sống và văn hóa của họ rất thú vị.

(a) Eric: Tôi tò mò. Bạn có thể cho tôi biết thêm về người Dao không?

(b) Mai: Tất nhiên rồi. Đây là ảnh người Dao ở Sa Pa.

Chọn C

36. D

Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-e để hiểu được nghĩa của từng câu.

- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-e để tạo thành một lá thư hợp lý và có nghĩa.

***Nghĩa của các câu**

Hi John,

How are you? I hope you are doing well. I want to tell you about my school work.

(Xin chào John,

Bạn khỏe không? Tôi hy vọng bạn vẫn ổn. Tôi muốn kể cho bạn nghe về bài tập ở trường của tôi.)

a. This week, I have a lot of homework.

(Tuần này, tôi có rất nhiều bài tập về nhà.)

b. I also have to read a book for English class and write a short story.

(Tôi cũng phải đọc một cuốn sách cho lớp tiếng Anh và viết một truyện ngắn.)

c. We are learning about history and doing a big science project.

(Chúng tôi đang học về lịch sử và làm một dự án khoa học lớn.)

d. Math is a little hard, but I try my best.

(Toán hơi khó, nhưng tôi cố gắng hết sức.)

e. I go to the library after school to study. It helps me focus. What about your school work?

(Tôi đến thư viện sau giờ học để học. Nó giúp tôi tập trung. Còn bài tập ở trường của bạn thì sao?)

Write to me soon!

(Hãy viết thư cho tôi sớm nhé!)

Best wishes,

(Những điều tốt đẹp nhất,)

Mai

Bài hoàn chỉnh

Hi John,

How are you? I hope you are doing well. I want to tell you about my school work. **(a)** This week, I have a lot of homework. **(c)** We are learning about history and doing a big science project. **(b)** I also have to read a book for English class and write a short story. **(d)** Math is a little hard, but I try my best. **(e)** I go to the library after school to study. It helps me focus. What about your school work?

Write to me soon!

Best wishes,

Mai

Tạm dịch

Xin chào John,

Bạn khỏe không? Tôi hy vọng bạn vẫn ổn. Tôi muốn kể cho bạn nghe về bài tập ở trường của tôi. (a) Tuần này, tôi có rất nhiều bài tập về nhà. (c) Chúng tôi đang học về lịch sử và làm một dự án khoa học lớn. (b) Tôi cũng phải đọc một cuốn sách cho lớp tiếng Anh và viết một truyện ngắn. (d) Toán hơi khó, nhưng tôi cố gắng hết sức. (e) Tôi đến thư viện sau giờ học để học. Nó giúp tôi tập trung. Còn bài tập ở trường của bạn thì sao? Hãy viết thư cho tôi sớm nhé!

Chúc sức khỏe,

Mai

Chọn D

37. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-e để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-e để tạo thành một lá thư hợp lý và có nghĩa.

***Nghĩa của các câu**

Dear Mom and Dad,

(Gửi bố mẹ,)

How are you?

(Bố mẹ khỏe không?)

This week, we are having an ethnic Vietnamese festival. I'm very happy to take part in it.

(Tuần này, chúng con sẽ tổ chức lễ hội dân tộc Việt Nam. Con rất vui khi được tham gia.)

a. I will wear a traditional dress and help cook sticky rice.

(Con sẽ mặc trang phục truyền thống và giúp nấu xôi.)

b. My class is showing costumes and food from the Tay people.

(Lớp con sẽ trình diễn trang phục và đồ ăn của người Tày.)

c. I will take some photos to show you.

(Con sẽ chụp một số bức ảnh để cho bố mẹ xem.)

d. There will be music, dancing, and games too.

(Sẽ có nhạc, khiêu vũ và trò chơi nữa.)

e. It's fun and I'm learning many new things about Vietnamese culture.

(Thật vui và con đang học được nhiều điều mới về văn hóa Việt Nam.)

I miss you and hope to see you soon!

(Con nhớ bố mẹ và hy vọng sớm được gặp lại bố mẹ!)

Love,

(Thân yêu,)

Anne

Bài hoàn chỉnh

Dear Mom and Dad,

How are you?

This week, we are having an ethnic Vietnamese festival. I'm very happy to take part in it. **(a)** I will wear a traditional dress and help cook sticky rice. **(b)** My class is showing costumes and food from the Tay people. **(c)** I will take some photos to show you. **(d)** There will be music, dancing, and games too. **(e)** It's fun and I'm learning many new things about Vietnamese culture.

I miss you and hope to see you soon!

Love,

Anne

Tam dịch

Gửi bố mẹ,

Bố mẹ khỏe không?

Tuần này, chúng con có một lễ hội dân tộc Việt Nam. Con rất vui khi được tham gia. (a) Con sẽ mặc trang phục truyền thống và giúp nấu xôi. (b) Lớp con sẽ trình diễn trang phục và đồ ăn của người Tày. (c) Con sẽ chụp một số bức ảnh để cho bố mẹ xem. (d) Sẽ có âm nhạc, khiêu vũ và trò chơi nữa. (e) Thật vui và con đang học được nhiều điều mới về văn hóa Việt Nam.

Con nhớ bố mẹ và hy vọng sớm được gặp lại bố mẹ!

Thân yêu,

Anne

Chọn A

38. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-e để hiểu được nghĩa của từng câu.

- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-e để tạo thành một lá thư hợp lý và có nghĩa.

***Nghĩa của các câu**

Hi Phong,

(Chào Phong,)

How are you? I hope you're doing well!

(Bạn khỏe không? Tôi hy vọng bạn khỏe!)

a. This weekend, there's an Outer Space Exhibition at the museum, and I'd love for you to join me.

(Cuối tuần này, có một Triển lãm Không gian vũ trụ tại bảo tàng và tôi rất muốn bạn tham gia cùng tôi.)

b. I think it will be really fun and educational!

(Tôi nghĩ rằng nó sẽ thực sự thú vị và bổ ích!)

c. There will be lots of interesting things to see, like models of spaceships, planets, and even information about astronauts and space travel.

(Sẽ có rất nhiều thứ thú vị để xem, như mô hình tàu vũ trụ, hành tinh và thậm chí là thông tin về các phi hành gia và du hành vũ trụ.)

d. We can meet at 2 p.m. at the entrance.

(Chúng ta có thể gặp nhau lúc 2 giờ chiều tại lối vào.)

e. It's on Saturday afternoon. Do you want to come with me?

(Vào chiều thứ bảy. Bạn có muốn đi cùng tôi không?)

Let me know what you think!

(Cho tôi biết bạn nghĩ gì nhé!)

Best,

(Thân ái,)

Tonny

Bài hoàn chỉnh

Hi Phong,

How are you? I hope you're doing well!

(a) This weekend, there's an Outer Space Exhibition at the museum, and I'd love for you to join me. **(c)** There will be lots of interesting things to see, like models of spaceships, planets, and even information about astronauts and space travel. **(b)** I think it will be really fun and educational! **(e)** It's on Saturday afternoon. Do you want to come with me? **(d)** We can meet at 2 p.m. at the entrance.

Let me know what you think!

Best,

Tonny

Tam dịch

Chào Phong,

Bạn khỏe không? Tôi hy vọng bạn khỏe!

(a) Cuối tuần này, có một Triển lãm Không gian vũ trụ tại bảo tàng và tôi rất muốn bạn tham gia cùng tôi.
 (c) Sẽ có rất nhiều thứ thú vị để xem, như mô hình tàu vũ trụ, hành tinh và thậm chí là thông tin về các phi hành gia và du hành vũ trụ. (b) Tôi nghĩ rằng nó sẽ thực sự thú vị và bổ ích! (e) Nó diễn ra vào chiều thứ bảy. Bạn có muốn đi cùng tôi không? (d) Chúng ta có thể gặp nhau lúc 2 giờ chiều tại lối vào.

Hãy cho tôi biết bạn nghĩ gì nhé!

Thân ái,

Tonny

Chọn B

39. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-e để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-e để tạo thành một đoạn văn hợp lý và có nghĩa.

*Nghĩa của các câu

Stilt houses play an important role in the culture of many ethnic groups in Viet Nam. In many ethnic villages, family activities such as eating, entertaining, and worshipping happen in the stilt house.

(Nhà sàn đóng vai trò quan trọng trong văn hóa của nhiều dân tộc ở Việt Nam. Ở nhiều làng dân tộc, các hoạt động gia đình như ăn uống, giải trí và thờ cúng đều diễn ra trong nhà sàn.)

a. For example, Tay and Nung people have their stilt houses overlooking the fields.

(Ví dụ, người Tày và Nùng có nhà sàn hướng ra đồng ruộng.)

b. The most important room in all stilt houses is the kitchen.

(Căn phòng quan trọng nhất trong tất cả các ngôi nhà sàn là bếp.)

c. However, the styles of stilt houses of different ethnic groups are not the same.

(Tuy nhiên, phong cách nhà sàn của các dân tộc khác nhau không giống nhau.)

d. They avoid letting the houses facing mountains, rivers and forests.

(Họ tránh để nhà hướng ra núi, sông và rừng.)

e. The kitchen is in the centre of the house, with an open fire, and is a meeting place for the family.

(Bếp nằm ở trung tâm ngôi nhà, có lò sưởi mở và là nơi họp mặt của gia đình.)

On the contrary, a Thai stilt house should face mountains and forests because they believe that this view increases vitality. Meanwhile, the Rong house, a communal stilt house of Bhanar people, is located in the centre of their village.

(Ngược lại, nhà sàn của người Thái nên hướng ra núi và rừng vì họ tin rằng tầm nhìn này làm tăng thêm sinh khí. Trong khi đó, nhà Rông, nhà sàn cộng đồng của người Bhanar, lại nằm ở trung tâm ngôi làng của họ.)

Bài hoàn chỉnh

Stilt houses play an important role in the culture of many ethnic groups in Viet Nam. In many ethnic villages, family activities such as eating, entertaining, and worshipping happen in the stilt house. **(b)** The most important room in all stilt houses is the kitchen. **(e)** The kitchen is in the centre of the house, with an open fire,

and is a meeting place for the family. **(a)** For example, Tay and Nung people have their stilt houses overlooking the fields. **(c)** However, the styles of stilt houses of different ethnic groups are not the same. **(d)** They avoid letting the houses facing mountains, rivers and forests. On the contrary, a Thai stilt house should face mountains and forests because they believe that this view increases vitality. Meanwhile, the Rong house, a communal stilt house of Bhanar people, is located in the centre of their village.

Tam dịch

Nhà sàn đóng vai trò quan trọng trong văn hóa của nhiều dân tộc ở Việt Nam. Ở nhiều làng dân tộc, các hoạt động gia đình như ăn uống, giải trí và thờ cúng đều diễn ra trong nhà sàn. (b) Phòng quan trọng nhất trong tất cả các ngôi nhà sàn là bếp. (e) Bếp nằm ở trung tâm của ngôi nhà, có lò sưởi mở và là nơi họp mặt của gia đình. (a) Ví dụ, người Tày và Nùng có nhà sàn nhìn ra đồng ruộng. (c) Tuy nhiên, kiểu nhà sàn của các dân tộc khác nhau không giống nhau. (d) Họ tránh để nhà hướng về núi, sông và rừng. Ngược lại, nhà sàn của người Thái phải hướng về núi và rừng vì họ tin rằng hướng nhìn này làm tăng thêm sinh khí. Trong khi đó, nhà Rông, nhà sàn cộng đồng của người Bhanar, lại nằm ở trung tâm của ngôi làng của họ.

Chọn C

40. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-e để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-e để tạo thành một đoạn văn hợp lý và có nghĩa.

***Nghĩa của các câu**

I felt stressed because of being bullied at school.

(Tôi cảm thấy căng thẳng vì bị bắt nạt ở trường.)

a. However, I faced and found ways to solve my problem.

(Tuy nhiên, tôi đã đối mặt và tìm ra cách giải quyết vấn đề của mình.)

b. They will have effective measures to stop this bad behaviour and punish the bullies.

(Họ sẽ có biện pháp hiệu quả để ngăn chặn hành vi xấu này và trừng phạt những kẻ bắt nạt.)

c. If you are in this situation, I have some advice for you.

(Nếu bạn đang ở trong tình huống này, tôi có một số lời khuyên dành cho bạn.)

d. Although you may be frightened of being bullied more, you should be brave to share with adults such as your parents or teachers.

(Mặc dù bạn có thể sợ bị bắt nạt hơn, nhưng bạn nên dũng cảm chia sẻ với người lớn như cha mẹ hoặc giáo viên của bạn.)

e. I thought about dropping out of school and running away from being bullied.

(Tôi đã nghĩ đến việc bỏ học và chạy trốn khỏi việc bị bắt nạt.)

Besides, having few friends and lacking confidence may be the reason why you are bullied. Therefore, you should participate in more activities at school and make more friends.

(Ngoài ra, có ít bạn bè và thiếu tự tin có thể là lý do khiến bạn bị bắt nạt. Do đó, bạn nên tham gia nhiều hoạt động hơn ở trường và kết bạn nhiều hơn.)

Bài hoàn chỉnh

I felt stressed because of being bullied at school. **(e)** I thought about dropping out of school and running away from being bullied. **(a)** However, I faced and found ways to solve my problem. **(c)** If you are in this situation, I have some advice for you. **(d)** Although you may be frightened of being bullied more, you should be brave to share with adults such as your parents or teachers. **(b)** They will have effective measures to stop this bad behaviour and punish the bullies. Besides, having few friends and lacking confidence may be the reason why you are bullied. Therefore, you should participate in more activities at school and make more friends.

Tam dịch

Tôi cảm thấy căng thẳng vì bị bắt nạt ở trường. (e) Tôi đã nghĩ đến việc bỏ học và chạy trốn khỏi việc bị bắt nạt. (a) Tuy nhiên, tôi đã đối mặt và tìm ra cách giải quyết vấn đề của mình. (c) Nếu bạn đang ở trong tình huống này, tôi có một số lời khuyên dành cho bạn. (d) Mặc dù bạn có thể sợ bị bắt nạt hơn, nhưng bạn nên dũng cảm chia sẻ với người lớn như cha mẹ hoặc giáo viên của bạn. (b) Họ sẽ có những biện pháp hiệu quả để ngăn chặn hành vi xấu này và trừng phạt những kẻ bắt nạt. Bên cạnh đó, việc có ít bạn bè và thiếu tự tin có thể là lý do khiến bạn bị bắt nạt. Do đó, bạn nên tham gia nhiều hoạt động hơn ở trường và kết bạn nhiều hơn.

Chọn A